|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: VĂN  KHỐI LỚP: 10  TUẦN: 2/HK1 (từ 1 /11/2021 đến 6 /11/2021) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**I.Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

**Nội dung 1: Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa bài 1,4,6** (Các bài còn lại khuyến khích tự đọc).

**Nội dung 2: Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.**

\* Nguồn tài liệu cần có: SGK tập 1 hoặc SGK điện tử

\* Nguồn tài liệu tham khảo: Tài khoản MS Teams ( Bài giảng đã được lưu lại),

**II.Hướng dẫn cụ thể cho từng nội dung:**

**1. Nội dung 1: : Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa bài 1,4,6**

**1.1.Kiến thức cần ghi nhớ.**

**a**.Đọc phần Tiểu dẫn SGK Ngữ văn tr.82 và nắm được đặc điểm về nội dung, nghệ thuật,chủ đề của ca dao.

- Nội dung:Diễn tả đời sống tâm hồn,tư tưởng,tình cảm của nhân dân.

- Nghệ thuật**:** + Sử dụng thể thơ lục bát hoặc lục bát biến thể.

+ Ngôn ngữ gần gũi với lời nói hằng ngày.

+ Gìau hình ảnh so sánh,ẩn dụ,nhân hóa, các mô típ...

- Chủ đề: Than thân,yêu thương tình nghĩa.

**b**.Đọc bài ca dao số 1, tr.83 để thấy được vẻ đẹp và thân phận bấp bênh,bị phụ thuộc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến thông qua một số yếu tố về nghệ thuật.

- Giọng điệu xót xa,ngậm ngùi,như một lời than thở,giãi bày,chia sẻ về số phận.

- Sử dụng mô típ quen thuộc “*Thân em”*để chỉ thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ.

- Hình ảnh so sánh *“Thân em như tấm lụa đào*”: cô gái ý thức được giá trị của mình và rất tự hào khi đem so sánh với tấm lụa đào.Tấm lụa đào rất đẹp, rất quý,rất mềm mại, còn cô gái có nhan sắc,có tuổi thanh xuân phơi phới.

- Đối lập với giá trị là thân phận bị phụ thuộc của cô gái:

+ Từ láy: “*phất phơ”* gợi sự mỏng manh,bơ vơ,không biết bấu víu vào đâu.

+ Hình ảnh: “*giữa chợ”*là chốn xô bồ,náo nhiệt với đủ loại người.

+ Câu hỏi tu từ: “*biết vào tay ai”* thể hiện tâm trạng băn khoăn, hoài nghi, lo lắng cho số phận của cô gái.

+ Đại từ "*ai*": không xác định được người nào.

Tấm lụa đẹp và giá trị là thế nhưng khi đem ra chợ - nơi có hàng trăm người bán vạn người mua không biết sẽ rơi vào tay ai.May thì rơi vào tay người thanh lịch,không may thì rơi vào kẻ tục... Cô gái cũng giống như tấm lụa, không có quyền lựa chọn hạnh phúc cho mình.Hạnh phúc của cô hoàn toàn phụ thuộc vào kẻ sẽ chọn cô làm vợ.

🢡**Tóm lại:** bài ca dao là tiếng than về thân phận bấp bênh, bị phụ thuộc của người phụ nữ trong xã hội xưa.Khi ý thức được vẻ đẹp,giá trị của mình cũng là lúc nỗi lo về thân phận ập đến khiến người con gái lo lắng, khắc khoải,xót xa cho chính mình.

**c**.Đọc bài ca dao số 4 tr.83,SGK Ngữ văn 10 để thấy được nỗi niềm thương nhớ người yêu của cô gái khi phải sống trong sự chờ đợi mỏi mòn thông qua một số yếu tố nghệ thuật.

**\*10 câu đầu**: Nỗi nhớ thương của cô gái được diễn tả thông qua những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng “*khăn”, “đèn”, “mắt”.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình ảnh nhân hóa-ẩn dụ “khăn”** (6 câu đầu) | **Hình ảnh nhân hóa“đèn”**  **(**câu 7+8) | **Hình ảnh hoán dụ “mắt**”  (câu 9+10) |
| + “*Khăn”* được nhắc đến đầu tiên và nhiều nhất vì “*khăn*”có ý nghĩa như vật trao duyên,vật kỉ niệm.  + Điệp từ “*khăn*” được sử dụng 6 lần,kết hợp với câu hỏi tu từ *“Khăn thương nhớ ai*”được lặp lại 3 lần diễn tả nỗi nhớ triền miên ,da diết,mãnh liệt.  + *“Khăn”* được miêu tả ở nhiều trạng thái khác nhau “ *rơi xuống đất”, “vắt lên vai”,* *“chùi nước mắt”* diễn tả nỗi nhớ trải rộng theo chiều không gian khiến nhân vật trữ tình không còn tự chủ,bồn chồn,ngổn ngang trăm mối của cô gái. | + *“ Đèn”*: thước đo thời gian(người ta chỉ thắp đèn khi màn đêm buông xuống) ⭢ nỗi nhớ có sự dịch chuyển theo thời gian từ ban ngày sang ban đêm nên càng thêm sâu sắc, da diết.  + *“Đèn không tắt*” diễn tả sự thao thức suốt đêm của cô gái. “*Đèn không tắt”*cũng chính là ngọn lửa tình luôn cháy sáng trong trái tim cô. | + Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, nơi tập trung diễn tả tâm trạng của con người. Cô gái hỏi “*mắt thương nhớ ai*”cũng chính là hỏi lòng mình,bộc lộ một nỗi nhớ khắc khoải ,khôn nguôi.  + *“Mắt ngủ không yên”*thể hiệnsự trằn trọc, thao thức suốt đêm không ngủ được vì thương nhớ người yêu của cô gái.Đó là một nỗi nhớ đã đi sâu vào tiềm thức,một tình yêu thiết tha,sâu nặng. |
| 🢡 Nỗi nhớ được diễn tả trong 10 câu thơ 4 chữ rất dồn dập, có sự vận động dâng trào: từ gián tiếp đến trực tiếp( từ *khăn* đến *đèn* đến *mắt*),từ bề rộng đến bề sâu, từ không gian thời gian đến tâm thức con người. | | |

**\*Hai câu cuối: Nỗi lo phiền của cô gái.**

- Hình thức câu thơ có sự thay đổi,từ những câu thơ 4 chữ dồn dập chuyển sang thơ lục bát nhẹ nhàng xao xuyến rất phù hợp để diễn tả một niềm lo âu mênh mang của cô gái.

- Tâm trạng của cô gái là*“lo phiền”, không yên một bề*”. Sự lo lắng, bất an và những dự cảm đầy bất trắc ấy của người cô gái là do cô không được tự quyết về tương lai, hạnh phúc của mình.Cô sợ mẹ cha cản ngăn,sợ chàng trai thay lòng đổi dạ,sợ xa xôi cách trở...khiến hai người không đến được với nhau.

🢡 **Tóm lại:** Từ cảm xúc nhớ thương đến nỗi lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi,đó là khát khao hạnh phúc chính đáng của người con gái.

**d**.Đọc bài ca dao số 6 tr.83,SGK Ngữ văn 10 để thấy được vẻ đẹp của lối sống thủy chung,tình nghĩa của người bình dân xưa thông qua các yếu tố nghệ thuật.

- Thể thơ song thất lục bát + lục bát biến thể (kéo dài 13 chữ) rất phù hợp để diễn tnghĩa tình vợ chồng dạt dào.

- Hình ảnh biểu tượng “ *muối” – “gừng”*:

+Nghĩa thực:“*Muối”, “gừng*” là những gia vị không thể thiếu trong bữa ăn hằng ngày của người bình dân...Mặn là thuộc tính của “*muối*”,cay là thuộc tính của “*gừng*”, trải qua thời gian cả hai vị đều không thay đổi mà rất nồng nàn .

+ Từ đặc điểm trên*, “muối”, “gừng*”được sử dụng để ẩn dụ cho nghĩa tình sâu nặng, bền chặt, sự thủy chung, gắn bó của vợ chồng.

-Điệp cấu trúc: + “*Muối ba năm muối đang còn mặn”*

*+ “Gừng chín tháng gừng hãy còn cay*”

->Sự bền chặt của gia vị, cũng là sự bền chặt của nghĩa tình.

-Số từ: “*ba vạn sáu ngàn ngày”*tương ứng với một trăm năm, một đời ngời.Từ đó để khẳng định chỉ có cái chết mới chia cắt được đôi ta.

🢡 **Tóm lại:** Bài ca dao đã ca ngợi lối sống tình nghĩa,thủy chung son sắt của người bình dân trong xã hội xưa.

**1.2.Luyện tập:**

**1.2.1.Bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1. Nhận định nào sau đây nói đúng nhất về nội dung của ca dao?**

A. Miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên.

B. Nói lên nỗi đau của con người trong xã hội cũ.

C. Diễn tả đời sống tâm hồn phong phú của người lao động.

D. Nói về tình cảm gia đình.

**Câu 2. Ca dao thường hay sử dụng phương thức biểu đạt nào?**

A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 3. Đặc điểm nghệ thuật nào sau đây không thường được sử dụng trong ca dao?**

A. Sử dụng thủ pháp so sánh, ẩn dụ. B. Ngôn ngữ giản dị nhưng giàu sức biểu đạt.

C. Lặp đi lặp lại các mô típ mở đầu. D. Tâm lí nhân vật được miêu tả phức tạp.

**Câu 4. Ca dao thường sử dụng thể thơ nào nhất?**

A. Thể thơ năm chữ B. Thơ Đường luật C. Thơ song thất lục bát D. Thơ lục bát

**Câu 5. Ca dao than thân có nhiều bài mở đầu bằng cụm từ "Thân em". Từ “Thân” trong cụm từ trên có nghĩa là:**

A. Thân nhân B. Thân thể C. Thân cận D. Thân phận

**Câu 6. *Thân em như tấm lụa đào***

***Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?***

**Bài ca dao trên nói lên tâm trạng gì của người phụ nữ?**

A. Chán chường B. Tủi nhục, xót xa C. Tuyệt vọng D. Lo âu, buồn bã.

**Câu 7. Biện pháp tu từ nào dưới đây đã giúp biểu đạt một cách sâu sắc tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài cao dao *Khăn thương nhớ ai*...?**

A. So sánh, ẩn dụ và điệp ngữ B. Nhân hóa, điệp ngữ và ẩn dụ

C. Ẩn dụ, hoán dụ và so sánh D. Hoán dụ, điệp ngữ và nhân hoá

**1.2.2.Bài tập tự luyện:**

**Đọc bài ca dao sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:**

*Thương thay thân phận con tằm*

*Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.*

*Thương thay con kiến li ti*

*Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.*

*Thương thay hạc lánh đường mây*

*Chim bay mỏi cánh biết ngày nào thôi.*

*Thương thay con quốc giữa trời*

*Dầu kêu ra máu có người nào nghe.*

**Câu 1**: Bài ca dao có những hình ảnh gì? Được khắc họa như thế nào? Có những đặc điểm gì chung?

**Câu 2:** Tác giả dân gian đã sử dụng [biện pháp tu từ](http://vanhay.edu.vn/cac-bien-phap-tu-tu-da-hoc) nào? Nêu ý tác dụng của việc sử dụng phép tu từ đó.

**Câu 3:** Chủ đề của bài ca dao là gì?

**2.Nội dung 2: Đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.**

**2.1.Kiến thức cần ghi nhớ.**

- HS đọc SGK Ngữ văn tập 1, tr.86 ,87 để nắm được các khái niệm và các đặc điểm của ngôn ngữ nói,ngôn ngữ viết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGÔN NGỮ NÓI** |  | **NGÔN NGỮ VIẾT** |
| Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh,là lời nói trong giao tiếp hằng ngày | **Khái niệm** | Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. |
| Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau,có thể luân phiên nhau trong vai nói và vai nghe. | **Đối tượng giao tiếp** | -Người viết và người đọc tiếp xúc gián tiếp với nhau.  -Vai người viết và người đọc được quy định rõ ràng,không thay đổi. |
| Âm thanh  Ngữ điệu đa dạng | **Phương tiện thể hiện.** | Chữ viết |
| Ánh mắt, nét mặt,cử chỉ ,điệu bộ... | **Yếu tố hỗ trợ** | Hệ thống dấu câu,kí hiệu,hình ảnh minh họa,sơ đồ,bảng biểu... |
| -Từ ngữ đa dạng:khẩu ngữ,từ địa phương,tiếng lóng,biệt ngữ,trợ từ,than từ...  -Câu:sử dụng câu tỉnh lược,có khi là những câu rườm rà,có nhiều yếu tố dư hoặc lặp lại để nhấn mạnh. | **Từ ngữ,câu văn** | -Từ ngữ:tránh dùng khẩu ngữ,từ địa phương,tiếng lóng...  -Câu:có những câu dài,nhiều thành phần nhưng được tổ chức mạch lạc,chặt chẽ nhờ các quan hệ từ và sự sắp xếp các thành phần phù hợp. |
| -Có thể phản hồi lại nhanh chóng  -Hai bên có thể trực tiếp giải quyết những thắc mắc để đi đến thống nhất chung. | **Ưu điểm** | Phương tiện ngôn ngữ được lựa chọn kĩ càng,chính xác.Người đọc có điều kiện đọc đi đọc lại,phân tích và nghiền ngẫm nội dung văn bản. |
| -Phương tiện ngôn ngữ thường không được lựa chọn,gọt giũa kĩ càng.  -Người nghe phải tiếp nhận,lĩnh hội nhanh nên ít có điều kiện suy ngẫm và phân tich. | **Nhược điểm** | -Đối tượng giao tiếp đều phải biết các kí hiệu chữ viết,các quy tắc chính tả,quy tắc tổ chức văn bản.  - Thắc mắc trong quá trình giao tiếp không thể phản hồi được ngay . |

**2.2.Luyện tập: Đọc SGK tr.88 để làm các bài tập 1;2,3.**

**Gợi ý :**

**\*Bài tập 1.Đặc điểm ngôn ngữ viết trong bài Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt của Phạm Văn Đồng:**

- Sử dụng một hệ thống các thuật ngữ của ngành ngôn ngữ học: vốn chữ, từ vựng, ngữ pháp, phong cách, thể văn,…

- Ba ý lớn được tách thành ba dòng để trình bày luận điểm một cách rõ rang, mạch lạc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người tiếp nhận

- Dùng các từ chỉ thứ tự (một là, hai là, ba là…) để đánh dấu luận điểm và thứ tự trình bày

- Dùng các dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy, dấu ba chấm, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép.

- Có phần giải thích rõ ràng (nằm trong ngoặc) thể hiện rõ dụng ý của người viết về việc lựa chọn và thay thế các từ là thuật ngữ

**\* Bài tập 2.Đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn trích:**

- Sử dụng nhiều từ ngữ thường gặp trong lời ăn tiếng nói hàng ngày: mấy, có khối, nói khoác, sợ gì, đằng ấy, cười tít

- Miêu tả nhiều cử chị, điệu bộ (kèm theo lời nói): “*đẩy vai”, “cười nắc nẻ”, “cong cớn”, “ngoái cổ”, “lon ton chạy”*

- Các từ hô gọi*: “kìa”, “này”, “nhà tôi ơi”, “đằng ấy”.*

- Các từ tình thái: “*có khối…đấy”, “đấy”, “sợ gì”.*

Ngoài ra trong đoạn trích các nhân vật tham gia đối thoại trực tiếp nên liên tục thay phiên đổi vai cho nhau.

**\*Bài tập 3.**

a) Cần bỏ từ “*trong*” (để câu có chủ ngữ) và từ “*thì”*; thay từ *“hết ý*” bằng từ như *“rất”* (đẹp) hoặc *“vô cùng”*

b) Thay từ “*vống lên*” bằng *“quá mức thực tế*” (hoặc từ “vống” bằng từ “quá”), thay “vô tội vạ” bằng “vô căn cứ”

c) Bỏ từ *“sất”,* thay từ “*thì”* (từ thứ 2) bằng từ “*đến”.* Tuy nhiên, câu này còn cần thay đổi cả về nội dung vì nội dung câu tương đối tối nghĩa.

**---HẾT---**